

# LEGAL BASIS OF UNESCO AND VIETNAM ON PROTECTING AND PROMOTING THE VALUE OF THE ETHNIC MINORITIES'S CULTURAL HERITAGE IN OUR COUNTRY TODAY

Tran Quoc Hung

Vietnam Academy for Ethnic Minorities

Email: [hungtq@hvd.edu.vn](mailto:hungtq@hvd.edu.vn)

Received: 16/1/2022; Reviewed: 15/2/2022; Revised: 24/2/2022; Accepted: 07/3/2022; Released: 31/3/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/666>

The UNESCO conventions on culture once again affirm the role and importance of culture in general and cultural heritage in particular in contemporary life. These are also important international legal frameworks for Vietnam to have a legal basis to apply flexibly in the process of promulgating and implementing laws and policies to protect and promote the value of cultural heritage in the community of 54 ethnic groups in Vietnam in line with international practices.

**Keywords:** Protection and promotion; Cultural values; Cultural heritage; Ethnic minority.

## 1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một trong những quốc gia tích cực tham gia cố hiệu quả vào việc thực thi các công ước quốc tế về văn hóa. Chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hóa, quản lý văn hóa nói chung và di sản văn hóa (DSVH) các dân tộc thiểu số (DTTS) nói riêng luôn được quan tâm và được thể hiện rõ trong các văn kiện của Đảng, các văn bản pháp luật như: Hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, chỉ thị, quyết định, chương trình, kế hoạch... Tuy nhiên, trong thực tiễn việc triển khai các chính sách còn gặp nhiều khó khăn, thách thức cần có những giải pháp cụ thể để thực hiện các chính sách hiệu quả hơn. Trong phạm vi bài viết này, tác giả bàn thảo về vấn đề nhận diện và đánh giá quá trình triển khai các cơ chế chính sách về bảo vệ và phát huy (BV&PH) giá trị DSVH các DTTS trong giai đoạn hiện nay.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Vấn đề BV&PH giá trị DSVH là chủ đề được nhiều học giả, nhà quản lý quan tâm nghiên cứu dưới nhiều cách tiếp cận khác nhau. Với công trình “Di sản: Quản lý, diễn giải và bản sắc”, Peter Howard (2002) cho rằng vấn đề quản lý di sản được đặt ra vào khoảng đầu thế kỷ XIX, xuất phát từ những cá nhân có tình yêu và sự say mê đối với di sản nhằm mục đích bảo tồn di sản để gìn giữ những thứ vì lợi ích của công chúng. Tác giả đã phân di sản theo các lĩnh vực: Thiên nhiên, cảnh quan, đài kỷ niệm, khu di tích, đồ tạo tác, các hoạt động và con người. Tác giả cho rằng các nhà quản lý luôn phải đặt ra câu hỏi: Chúng ta cần bảo tồn cái gì, tại sao và cho ai? Việc bảo tồn nhằm gìn giữ lại tối đa những giá trị của di sản, làm cơ sở để khai thác, phát huy các giá

trị đó trong đời sống. Việc khai thác, phát huy giá trị là điều cần làm để di sản thực sự trở thành một bộ phận của cuộc sống hiện tại.

Tác giả Brian Garrod, Alan Fayall (2000) trong nghiên cứu về quản lý di sản và du lịch lại thừa nhận cần có sự cân bằng giữa bảo tồn và khai thác, nếu di sản không được bảo vệ, giữ gìn thì sẽ bị mất, không còn gì để lại cho thế hệ mai sau. “Khi các nhà quản lý DSVH nghiên cứu, bàn thảo về kế hoạch bảo tồn, họ quan tâm nhiều đến việc duy trì nguồn tài nguyên ở một mức độ bền vững”. Arthur Perderson (2002) trong “Tài liệu hướng dẫn thực tiễn cho các nhà quản lý khu di sản thế giới” đã đề ra các phương án quản lý di sản trước sự tác động của du lịch cần khoanh vùng cho các hoạt động tương thích, giảm bớt lượng khách vào một số khu vực, thậm chí đóng cửa một số khu vực của di sản.

Ở Việt Nam, những vấn đề lý luận về DSVH như vai trò, chức năng của DSVH đối với việc lựa chọn mô hình phát triển văn hóa dân tộc và chính sách BV&PH giá trị DSVH dân tộc của nước ta được nhắc đến trong các kỳ Đại hội của Đảng và một số bài học kinh nghiệm BV&PH giá trị DSVH tại Nhật Bản được tác giả Hoàng Vinh đề cập đến trong công trình nghiên cứu “Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển DSVH dân tộc”. Tuy nhiên, cuốn sách mới chỉ nghiên cứu giá trị DSVH nói chung mà chưa đi sâu nghiên cứu về vấn đề BV&PH giá trị DSVH DTTS. Nguyễn Thế Hùng, Nguyễn Kim Dung, “Tổng kết 10 năm thực hiện Công ước UNESCO 2003 về bảo vệ DSVH phi vật thể ở Việt Nam”. Tác giả Nguyễn Thế Hùng, Nguyễn Kim Dung, đã có những nội dung Tổng kết 10 năm thực hiện Công ước UNESCO 2003 về bảo vệ DSVH phi vật thể ở Việt Nam. Từ kết quả nghiên cứu nêu trên, tác giả

chọn lọc, kế thừa nhằm nhận diện trong bài viết về giá trị văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể, BV&PH giá trị DSVH và mối quan hệ giữa DSVH vật thể và DSVH phi vật thể; quan điểm của UNESCO, Đảng và Nhà nước về BV&PH giá trị DSVH các DTTS ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng chủ yếu một số phương pháp như tổng hợp, so sánh, đối chiếu các tài liệu thứ cấp, gồm hệ thống các văn bản chính sách về văn hóa của UNESCO và Việt Nam. Vấn đề bảo vệ và phát huy DSVH dân tộc là một vấn đề lớn và phức tạp. Trong quá trình nghiên cứu, bài viết đã sử dụng kết hợp một số phương pháp liên ngành như: Phương pháp thu thập tài liệu, thống kê dùng để lựa chọn các tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung và đối tượng nghiên cứu, đồng thời là tiền đề giúp việc phân tích, đánh giá tổng hợp một cách chính xác và khách quan; phương pháp chuyên gia: Bài viết đã có sự tham vấn của các chuyên gia là những nhà khoa học tại Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Học viện Dân tộc, Trường Đại học Khoa học, Xã hội và Nhân văn Hà Nội;...

### 4. Kết quả nghiên cứu

#### 4.1. Các khái niệm cơ bản

##### 4.1.1. Di sản văn hóa

Công ước năm 1972 về Bảo vệ DSVH và thiên nhiên thế giới của UNESCO khẳng định: DSVH là các di tích như các công trình kiến trúc, điêu khắc hoặc hội họa hoành tráng, các yếu tố hay kết cấu có tính chất khảo cổ, các văn bản, các hang động và các nhóm yếu tố có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện lịch sử, nghệ thuật hay khoa học; các quần thể: các nhóm công trình xây dựng đứng một mình hoặc quần tụ có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện lịch sử, nghệ thuật hay khoa học do kiến trúc, sự thống nhất của chúng hoặc sự nhất thể hoá của chúng vào cảnh quan; các thắng cảnh: các công trình của con người hoặc những công trình của con người kết hợp với các công trình của tự nhiên, cũng như các khu vực, kể cả các di chỉ khảo cổ học, có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện lịch sử, thẩm mỹ, dân tộc học hoặc nhân chủng học.

Năm 1989, UNESCO đã định nghĩa lại DSVH theo hướng khái quát hóa như sau: “DSVH là tập hợp những biểu hiện vật thể hoặc biểu hiện di sản quá khứ truyền lại cho mỗi nền văn hóa, và do đó là của toàn thể nhân loại, là một phần của nhân loại, DSVH mang lại những đặc điểm riêng cho mỗi địa danh cụ thể, và vì thế nên là nơi cất giữ kinh nghiệm con người. Việc bảo tồn và giới thiệu DSVH này cốt lõi của mọi chính sách văn hóa”.

DSVH Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của DSVH nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Để

BV&PH giá trị DSVH, đáp ứng nhu cầu về văn hoá ngày càng cao của nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và đóng góp vào kho tàng DSVH thế giới; để tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia BV&PH giá trị DSVH. Ngày 29/6/2001, Quốc hội đã ban hành văn bản Luật số 28/2001/QH10 về Di sản văn hóa. Tại Điều 1 của Luật có ghi: “DSVH quy định tại Luật này bao gồm DSVH phi vật thể và DSVH vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác”. Sau một thời gian thực thi trong đời sống xã hội, văn bản luật này đã được thay thế bằng Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật DSVH số 32/2009/QH12, được ban hành ngày 18/6/2009.

##### + Di sản văn hóa vật thể

DSVH vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. DSVH vật thể, bao gồm: Di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh (sau đây gọi là di tích); di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

##### + Di sản văn hóa phi vật thể

Công ước năm 2003 của UNESCO về “Bảo vệ DSVH phi vật thể” đã định nghĩa: DSVH phi vật thể được hiểu là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng và kèm theo đó là những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hóa có liên quan mà các cộng đồng, các nhóm người - trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần DSVH của họ. Được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, DSVH phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường và mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với tự nhiên và lịch sử của họ, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó kích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người. Vì những mục đích của Công ước này, chỉ xét đến những DSVH phi vật thể phù hợp với các văn kiện quốc tế hiện hành về quyền con người, cũng như những yêu cầu về sự tôn trọng lẫn nhau giữa các cộng đồng, các nhóm người và cá nhân và về phát triển bền vững.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật DSVH năm 2009 định nghĩa: “DSVH phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác”. DSVH phi vật thể bao gồm: Tiếng nói, chữ viết; ngữ văn dân gian; nghệ thuật trình diễn dân gian; tập quán xã hội và tín ngưỡng; lễ hội truyền thống;

nghe thủ công truyền thống; tri thức dân gian.

#### 4.1.2. Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa

UNESCO đã định nghĩa: “Bảo vệ” là các biện pháp có mục tiêu đảm bảo khả năng tồn tại của DSVH phi vật thể, bao gồm việc nhận diện, tư liệu hoá, nghiên cứu, bảo tồn, bảo vệ, phát huy, củng cố, chuyên giao, đặc biệt là thông qua hình thức giáo dục chính thức hoặc phi chính thức cũng như việc phục hồi các phương diện khác nhau của loại hình di sản này. Danh từ “Bảo vệ” có nghĩa là việc thông qua các biện pháp nhằm bảo tồn, gìn giữ và tăng cường sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa. Động từ “Bảo vệ” có nghĩa là thông qua các biện pháp đó.

Từ điển tiếng Việt của tác giả Hoàng Phê cho rằng: Phát huy là “làm cho cái hay, cái tốt tỏa tác dụng và tiếp tục nảy nở thêm”. Phát huy giá trị di sản (heritage promotion): Là những hành động nhằm đưa DSVH vào trong thực tiễn xã hội, coi đó như là nguồn nội lực, tiềm năng góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội, mang lại những lợi ích vật chất và tinh thần cho con người, thể hiện tính mục tiêu của văn hóa đối với sự phát triển của xã hội.

Như vậy, BV&PH giá trị DSVH là hai nội dung của một thể thống nhất, có mối quan hệ hữu cơ, biện chứng và tương hỗ lẫn nhau trong quá trình phát triển văn hóa. Có bảo vệ DSVH tốt thì mới có thể phát huy DSVH hiệu quả và phát huy DSVH hiệu quả là cơ sở để bảo tồn tốt. Tuy nhiên, trong thực tiễn, khi vận dụng quan điểm lý thuyết BV&PH giá trị DSVH cũng cần hết sức linh hoạt, sáng tạo, tránh cứng nhắc, dập khuôn máy móc để gây ra tác dụng ngược đến DSVH.

#### 4.2. Quan điểm của UNESCO về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

Một trong những nhiệm vụ quan trọng và nổi bật của UNESCO là duy trì danh sách các di sản thế giới, di sản tư liệu thế giới, DSVH phi vật thể của nhân loại... Chính vì vậy, trên bình diện pháp lý UNESCO đã ban hành nhiều công ước về lĩnh vực văn hóa cụ thể:

Công ước Bảo vệ DSVH và thiên nhiên thế giới, đã được thông qua tại kỳ họp thứ 17 của Đại Hội đồng UNESCO tại Paris ngày 16/11/1972. Các DSVH và di sản tự nhiên ngày càng có nguy cơ bị phá hoại, xuống cấp trong quá trình phát triển của đời sống xã hội, cho nên việc bảo vệ di sản ở các cấp quốc gia thường gặp những khó khăn, thách thức vì việc bảo vệ đòi hỏi rất nhiều phương tiện khoa học kỹ thuật và nguồn lực kinh tế (UNESCO, 1972, điều 5).

Năm 2003, UNESCO được Đại hội đồng các quốc gia thành viên thông qua Công ước về bảo vệ DSVH phi vật thể, tại phiên họp thứ 32 ở Paris. Nguyên Tổng Giám đốc UNESCO Koichiro Matsuura đánh giá: “Công ước có hiệu lực một cách đặc biệt nhanh chóng, chỉ 30 tháng sau khi được Đại Hội đồng UNESCO thông qua (tháng 10/2003),

thể hiện mối quan tâm to lớn của toàn thế giới đối với việc bảo vệ DSVH phi vật thể và sự nhận thức rộng rãi về nhu cầu thúc bách phải bảo vệ những di sản này trước nguy cơ do lối sống và quá trình toàn cầu hóa gây ra”. Nhận thức tầm quan trọng và ý nghĩa của việc BV&PH giá trị DSVH phi vật thể trong quá trình hội nhập và phát triển, Việt Nam là quốc gia thứ 22 ký tham gia Công ước UNESCO 2003 và trở thành một trong những thành viên tích cực tham gia quá trình thực hiện Công ước. Việt Nam được tin nhiệm bầu vào Ủy ban Liên Chính phủ về bảo vệ DSVH phi vật thể trong nhiệm kỳ đầu tiên 2006-2010.

Công ước BV&PH đa dạng của các biểu đạt văn hóa, được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng lần thứ 33 của UNESCO vào ngày 20/10/2005, là một trong những Công ước quan trọng về lĩnh vực văn hóa với những nỗ lực nhằm thúc đẩy sự đa dạng của các nền văn hóa trên thế giới. Đây là công cụ pháp lý quốc tế quan trọng để các quốc gia thành viên áp dụng ban hành chính sách trong các lĩnh vực sản xuất, truyền bá, BV&PH các tài sản văn hóa của quốc gia dân tộc mình.

Các nguyên tắc chỉ đạo của Công ước 2005 khẳng định: Việc BV&PH sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa đòi hỏi công nhận phẩm giá bình đẳng và tôn trọng tất cả các nền văn hóa bao gồm cả nền văn hóa của những người thuộc các dân tộc bản địa và thiểu số”. Trong nguyên tắc phát triển bền vững “đa dạng văn hóa là một tài sản phong phú cho các cá nhân và xã hội. Việc bảo vệ, phát huy đa dạng văn hóa là một yêu cầu thiết yếu đối với sự phát triển bền vững và lợi ích của các thế hệ hôm nay và mai sau (UNESCO, 2005, điều 2).

Nhận thức được giá trị và tầm quan trọng của Công ước BV&PH sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa, Việt Nam đã ký phê chuẩn Công ước 2005 vào ngày 07/8/2007. Việt Nam là một trong những quốc gia có trách nhiệm đóng góp thiết thực trong quá trình thực thi Công ước 2005, điều đó được thể hiện rất rõ khi Việt Nam đảm nhiệm thành công vai trò Phó Chủ tịch Ủy ban Liên Chính phủ và Phó Chủ tịch Đại Hội đồng Công ước UNESCO nhiệm kỳ 2011-2015.

Các công ước của UNESCO về lĩnh vực văn hóa một lần nữa khẳng định vai trò và tầm quan trọng của văn hóa nói chung và DSVH nói riêng trong đời sống đương đại. Đây cũng là những khung pháp lý quốc tế quan trọng để nước ta có cơ sở pháp lý vận dụng linh hoạt trong quá trình ban hành và thực thi các quy định pháp luật, chính sách nhằm BV&PH giá trị DSVH trong cộng đồng 54 dân tộc sao cho phù hợp với thông lệ quốc tế. Việt Nam cũng là một trong những quốc gia tích cực tham gia có hiệu quả vào việc thực thi các công ước quốc tế về văn hóa.

#### 4.3. Quan điểm của Đảng về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

Chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách,

pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hóa, quản lý văn hóa nói chung và quản lý DSVH DTTS nói riêng luôn được quan tâm và được thể hiện rõ trong các văn kiện của Đảng, các văn bản pháp luật như: Hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, chỉ thị, quyết định, chương trình, kế hoạch... Cụ thể, từ khi thành lập Đảng đến nay, quan điểm của Đảng về vị trí, vai trò văn hoá luôn nhất quán. Hệ tư tưởng đó được thể hiện xuyên suốt từ Đề cương văn hoá năm 1943 đến Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI.

Đề cương văn hoá năm 1943 là văn kiện đầu tiên khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của văn hoá trong sự nghiệp cách mạng, với những vấn đề then chốt như: Văn hoá là một trong ba mặt trận: chính trị - kinh tế - văn hoá; muốn làm cách mạng Xã hội chủ nghĩa nhất thiết phải làm cách mạng văn hoá; sự nghiệp văn hoá là của toàn dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng; ba nguyên tắc vận động văn hoá ở Việt Nam giai đoạn đó là: Dân tộc hóa, Khoa học hóa, Đại chúng hóa; tính chất nền văn hoá mới Việt Nam: Dân tộc về hình thức, tân dân chủ về nội dung.

Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương về nhiệm vụ văn hóa ngày 26/5/1950 đã khẳng định vai trò của văn hóa: “Muốn xây dựng văn hóa nhân dân cần học hỏi những kinh nghiệm nước ngoài nhưng đồng thời phải biết duy trì những di sản quý báu và phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc” (Dang Cong san Viet Nam, 2001).

Trong từng giai đoạn cách mạng của Việt Nam, quan điểm và đường lối của Đảng về văn hoá nói chung và quản lý DSVH nói riêng thể hiện rõ trong các văn kiện của Đảng các khóa VIII, IX, X, XI. Đặc biệt, trong Nghị quyết TW 5 khóa VIII và Nghị quyết TW 9 khóa XI, các quan điểm có sự thay đổi uyển chuyển, linh hoạt phù hợp với thực tiễn, nhưng tựu chung lại có tám quan điểm cơ bản về quản lý và phát huy DSVH, cụ thể:

- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân với cơ chế thống nhất: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo văn hóa;
- Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội. Tài sản văn hóa là nguồn lực nội sinh thúc đẩy phát triển bền vững đất nước;
- Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc;
- Nền văn hoá Việt Nam là nền văn hóa thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam;
- Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học;
- Phát triển văn hóa là chăm lo xây dựng con

người có nhân cách, có lối sống tốt đẹp nhằm xây dựng, bảo vệ, phát triển con người và sự nghiệp văn hóa trong thời đại mới. Đồng thời, phát triển văn hóa cần phải hài hòa, cân bằng giữa phát triển giữa kinh tế và văn hóa;

- Xây dựng môi trường văn hóa chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng trong quá trình trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong đời sống;

- Nâng cao sức chiến đấu của văn hóa. Văn hoá là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi ý chí, kiên trì, thận trọng trong thực hành và ứng xử văn hóa.

#### **4.4. Các văn bản pháp lý của Nhà nước về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa**

Văn hóa là một trong những lĩnh vực được Nhà nước quan tâm; coi đó là một trong ba trụ cột để phát triển đất nước. Ngay sau khi Nhà nước được thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh số 65/SL ngày 23/11/1945 về việc bảo tồn cổ tích trên phạm vi cả nước Việt Nam. Trong bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946 quy định: “Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: Chính trị, kinh tế, văn hoá” (Điều 6, Hiến pháp 1946).

Trải qua các thời kỳ kháng chiến kiến quốc, xây dựng và đổi mới đất nước, Quốc hội đã sửa đổi Hiến pháp qua các năm 1959, 1980, 1992 và 2013 nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ trong xây dựng và phát triển đất nước. Cùng với đó là quan điểm BV&PH văn hóa luôn được Nhà nước quan tâm thể hiện qua việc: (1) Tôn trọng các giá trị DSVH truyền thống của dân tộc; (2) Hoạch định và thực thi các chính sách BV&PH các dân tộc; (3) Khuyến khích mọi sự sáng tạo, hưởng thụ của chủ thể văn hóa; (4) Nâng cao đời sống vật chất và nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Cùng với việc “bảo vệ và phát triển những giá trị văn hoá và tinh thần của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá thế giới, xây dựng nếp sống xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ nếp sống lạc hậu, bài trừ mê tín dị đoan” (Điều 38, Hiến pháp 1980) thì Nhà nước ta còn đặc biệt quan tâm đến công tác bảo tồn “các di tích lịch sử và văn hoá, các công trình kỹ thuật công cộng, các danh lam, thắng cảnh được tu bổ và bảo vệ. Công tác bảo tồn, bảo tàng được chú trọng” (Điều 46, Hiến pháp 1980). Với phương châm Đảng, Nhà nước và nhân dân cùng làm, việc phát huy nội lực và huy động mọi nguồn lực cho BV&PH giá trị DSVH cũng như nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân ngày càng được quan tâm hơn.

Đồng thời, DSVH được coi là nguồn lực nội sinh phát triển kinh tế-xã hội, thể hiện tại điều 34, Hiến pháp 1992: “Nhà nước và xã hội bảo tồn, phát triển các DSVH dân tộc; chăm lo công tác bảo tồn, bảo tàng, tu bổ, tôn tạo, BV&PH tác dụng của các di tích lịch sử, cách mạng, các DSVH, các công

trình nghệ thuật, các danh lam, thắng cảnh”; “Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại” (Điều 60, Hiến pháp 2013); “Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa” (Điều 41, Hiến pháp 2013).

Chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta đã thể hiện sự nhất quán thông qua các văn kiện của Đảng và Hiến pháp, coi trọng lĩnh vực văn hóa nói chung và DSVH nói riêng. Đây là cơ sở, căn cứ quan trọng nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về DSVH. Điều này được thể hiện ở một số văn bản sau: Luật DSVH, số 28/2001/QH10 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật DSVH, số 32/2009/QH12; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010, về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật DSVH và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật DSVH; Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014, về xét tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực DSVH phi vật thể; Quyết định số 1270/QĐ-TTg, ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án bảo tồn, phát triển văn hóa các DTTS Việt Nam đến năm 2020; Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/11/2011 về công tác dân tộc. Mới đây, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 88/2014/QH14 ngày 18/11/2019 về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030; Chính phủ ban hành Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/2/2020 triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội.

### 5. Thảo luận

Mối quan hệ giữa quản lý nhà nước với vai trò của cộng đồng DTTS trong bảo vệ, phát huy giá trị DSVH trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam đã sớm phê chuẩn: Công ước về việc bảo vệ DSVH và thiên nhiên thế giới (1972), Công ước về bảo vệ DSVH phi vật thể (2003), Công ước BV&PH sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa (2005). Việt Nam là một trong những quốc gia thành viên tích cực trong việc lập hồ sơ đệ trình UNESCO công nhận các loại hình DSVH thế giới đại diện của nhân loại và danh mục DSVH phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp.

Công ước 2003 đề cao mối quan hệ giữa các quốc gia thành viên với cộng đồng thông qua việc tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn cộng đồng BV&PH giá trị DSVH, tạo hành lang pháp lý và nguồn lực để cộng đồng tham gia BV&PH giá trị DSVH. Để hiện thực hóa vai trò của cộng đồng, Ủy ban Liên Chính phủ Công ước 2003 đã thông qua bộ “Nguyên tắc đạo đức” gồm 12 điều với nội dung về vai trò tự quyết của cộng đồng trong việc quản lý và thực hành DSVH.

Vai trò của cộng đồng các DTTS Việt Nam đã

tích cực tham gia BV&PH giá trị DSVH là yếu tố cơ bản của quá trình phát triển văn hóa cộng đồng. Trong đó, QLNN về DSVH là then chốt; các tổ chức chính quyền địa phương có vai trò tổ chức hỗ trợ để huy động và củng cố các tổ chức quần chúng của cộng đồng.

Đảng và Nhà nước ban hành các chủ trương đường lối, hệ thống hành lang pháp lý thông qua hiến pháp, pháp luật và các văn bản dưới luật (chỉ thị, thông tư, quyết định, văn bản hướng dẫn)... Từ đó, các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước được đi vào cuộc sống thông qua hệ thống quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương nhằm thực hiện địa vị hiến định, thẩm quyền mà cấp đó đảm nhận.

Nhà nước chỉ đạo, tổ chức thực hiện, hướng dẫn cộng đồng và huy động các nguồn lực xã hội để BV&PH giá trị DSVH. Cộng đồng có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân để thực hiện các nội dung quản lý nhà nước theo điều 54 của Luật DSVH với vai trò là chủ thể quản lý, sáng tạo và thực hành các DSVH. Cộng đồng các DTTS tham gia vào các hoạt động nâng cao nhận thức, trực tiếp thực hiện các hoạt động BV&PH giá trị DSVH. Chính cộng đồng các DTTS là người duy trì, thực hành và thụ hưởng các chính sách về BV&PH giá trị DSVH thông qua việc nắm giữ các DSVH được Nhà nước xem xét phong tặng như: Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú hay việc xếp hạng các DSVH cấp địa phương, cấp quốc gia cũng như đệ trình UNESCO công nhận DSVH đại diện của nhân loại. Nhà nước tạo điều kiện để cộng đồng các DTTS thực hành văn hóa. Công việc này, có thể thông qua việc phát huy các nguồn lực sẵn có trong cộng đồng nhằm sáng tạo, phát triển tạo ra các nguồn lợi từ DSVH như thu nhập từ du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, làng nghề thủ công truyền thống góp phần phát triển sinh kế của từng hộ gia đình và phát triển kinh tế-xã hội của các địa phương.

Công ước 2003 và Luật DSVH được đề cập ở trên cho ta thấy mối quan hệ hữu cơ giữa quản lý nhà nước về DSVH với vai trò của cộng đồng các DTTS trong BV&PH giá trị DSVH. Đó là mối quan hệ chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ từ phía quản lý nhà nước về DSVH và sự phối hợp, thực hiện của cộng đồng các DTTS đối với thực hành DSVH của cộng đồng mình thông qua sự chỉ đạo bằng hệ thống văn bản của Đảng, Nhà nước ban hành.

### 6. Kết luận

Từ những nhận định về cơ sở khoa học và căn cứ vào các văn bản pháp lý của quốc tế và Việt Nam, có thể thấy hệ thống, cấu trúc trong quản lý nhà nước về DSVH của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương thông qua chức năng, nhiệm vụ của cơ quan tổ chức trong hệ thống quản lý. Mỗi cơ quan chức năng có những nhiệm vụ cụ thể nhằm

hiện thực hóa các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý DSVH. Hệ thống pháp lý là cơ sở giúp ta có cái nhìn toàn diện về chủ thể quản lý và phân tích

về nội dung pháp lý quản lý nhà nước về DSVH. Qua đó, có thể thấy những kết quả đạt được cũng như những khó khăn, thách thức đang đặt ra, từ đó đề xuất những giải pháp phù hợp cho quá trình quản lý và vận hành của hệ thống tổ chức.

#### Tài liệu tham khảo

Ben, N. C. (2010). *Bao ton, phat huy gia tri di san van hoa vat the Thang Long* (Chu bien). Ha Noi: Nxb. Ha Noi.

Chinh phu. (2010). *Quy dinh chi tiet thi hanh mot so dieu cua Luat Di san van hoa va luat sua doi, bo sung mot so dieu cua Luat Di san van hoa*. Nghi dinh so 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010.

Dang Cong san Viet Nam. (2001). *Van kien Dang toan tap, tap 11* (1950). Ha Noi: Nxb. Chinh tri quoc gia, tr. 337.

Garrod, B., & Fyall, A. (2000). Managing heritage tourism (Quan ly du lich di san). *Annals of Tourism Research*, 27(3), 682–708.

Howard, P. (2002). *Heritage: Management, Interpretation, Identity* (Di san: Quan ly, dien giai va ban sac). London.

Hung, N. T., & Dung, N. K. (n.d.). *Tong ket 10 nam thuc hien Cong uoc UNESCO 2003 ve bao ve di san van hoa phi vat the o Viet Nam*.

ICOMOS. (1999). *Cong uoc quoc te ve du lich van hoa*. Dai Hoi dong lan thu 12, Mexico.

Perdesen, A. (2002). *Managing Tourism at World Heritage Sites: A Practical Manual for World Heritage Site Managers* (Quan ly du lich tai cac khu di san the gioi: Tai lieu huong dan thuc tien cho cac nha quan ly khu di san).

Phe, H. (2003). *Tu dien Tieng Viet*. Nxb. Da Nang.

Quoc hoi nuoc Cong hoa xa hoi chu nghia Viet Nam. (2001). *Luat Di san van hoa*. So 28/2001/QH10.

Quoc hoi nuoc Cong hoa xa hoi chu nghia Viet Nam. (2009). *Luat sua doi, bo sung mot so dieu cua Luat Di san van hoa*. So 32/2009/QH12.

Son, B. H. (2007). *Quan ly le hoi truyen thong cua nguoi Viet o chau tho Bac Bo tu nam 1945 den nay*. Luan an tien si Van hoa hoc, Vien Van hoa - Thong tin, Ha Noi.

UNESCO. (1972). *Cong uoc ve bao ve di san van hoa va thien nhien the gioi*. Hop phien thu 17 tai Paris.

UNESCO. (2003). *Cong uoc ve bao ve di san van hoa phi vat the*. Hop phien thu 32 tai Paris.

UNESCO. (2005). *Cong uoc bao ve va phat huy su da dang cua cac bieu dat van hoa*. Hop phien thu 33 tai Paris.

## CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA UNESCO VÀ VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Trần Quốc Hùng

Học viện Dân tộc

Email: [hungtq@hvd.edu.vn](mailto:hungtq@hvd.edu.vn)

Nhận bài: 16/1/2022; Phân biên: 15/2/2022; Tác giả sửa: 24/2/2022; Duyệt đăng: 07/3/2022; Phát hành: 31/3/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/666>

Các công ước của UNESCO về lĩnh vực văn hóa một lần nữa khẳng định vai trò và tầm quan trọng của văn hóa nói chung và di sản văn hóa nói riêng trong đời sống đương đại. Đây cũng là những khung pháp lý quốc tế quan trọng để Việt Nam có cơ sở pháp lý vận dụng linh hoạt trong quá trình ban hành và thực thi các quy định pháp luật, chính sách nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam sao cho phù hợp với thông lệ quốc tế.

**Từ khóa:** Bảo vệ và phát huy; Giá trị văn hóa; Di sản văn hóa; Dân tộc thiểu số.